

THOMAS VALLELY

TRỞ LẠI

Việt Nam

ĐI TÌM DẤU RỒNG

Tháng 11-2025, ông Thomas Vallely - Cố vấn cấp cao về Việt Nam tại Viện Đông Nam Á của Đại học Columbia, đồng thời là người sáng lập chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright và ĐH Fulbright Việt Nam - trở lại Việt Nam để thực hiện một loạt bài giảng với chủ đề “Đi tìm hành lang hẹp”.



Ông Thomas Vallely gặp Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hà Nội vào tháng 3-2025 - Ảnh: TTXVN

◆ TRỌNG NHÂN



Tết Bình Ngo, Tuổi Trẻ trò chuyện cùng ông về hành trình trở lại lần này.

“BẢN GIAO HƯỞNG” CHÍNH SÁCH

** Trong giai đoạn Việt Nam đang kỳ vọng về một cú “vươn mình” lịch sử, ông thấy Việt Nam ở đâu trên bản đồ phát triển của châu Á và thế giới?*

Tháng 11-2025, tôi có dịp trở lại Việt Nam để thực hiện một loạt bài giảng với chủ đề “Đi tìm hành lang hẹp” (In Search of the Narrow Corridor). Tựa đề này lấy từ hai nguồn cảm hứng. Thứ nhất là báo cáo chính sách “Theo dấu rồng bay” (In Search of the Dragon’s Trail) do Viện Phát triển quốc tế Harvard (HIID) soạn thảo nhân dịp Đại hội VIII của Đảng vào năm 1996. Thứ hai là cuốn “Hành lang hẹp” (The Narrow Corridor, 2019) của hai học giả Daron Acemoglu và James Robinson, một phần trong công trình nghiên cứu đã mang về cho họ Giải Nobel Kinh tế năm 2024.

Theo cách nói ẩn dụ, “Hành lang của rồng” chính là mô hình phát triển Đông Á, từng được các nền kinh tế như Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản và Singapore theo đuổi. Nếu nhìn từ hiện tại, có thể thấy Việt Nam bây giờ là một “cường quốc tiềm trung” đang trỗi dậy. Nền kinh tế tương đối năng động, dù khu vực tư nhân trong nước còn nhỏ nhưng dòng vốn đầu tư nước ngoài rất lớn. Việt Nam đã giải quyết được nhiều vấn đề của giai đoạn phát triển sớm và trong một thời gian

dài, các cải cách từ sau 1986 đã thay đổi đất nước theo hướng rất tích cực, làm cho cuộc sống mọi người đều khá lên, tạo ra một nước Việt Nam hiện đại.

Ở góc nhìn khác, Việt Nam thời nay là phản ánh kết quả của tiến trình “giải điều tiết” (deregulation) Nhà nước. Cuộc cải cách đã rút bớt vai trò trực tiếp của Nhà nước ra khỏi những lĩnh vực trọng yếu trong quá trình xây dựng quốc gia như nông nghiệp, viễn thông, ngân hàng, hàng không và từ đó hình thành một nền kinh tế mở, thông qua tiến trình dỡ bỏ các rào cản điều tiết.

Tuy nhiên, chừng đó là chưa đủ, bởi các cường quốc khác đã đi nhanh hơn rất nhiều. Việt Nam đã làm tốt nhưng bây giờ cần một ý tưởng mới. Và theo tôi, “ý tưởng mới” cũng đang được Việt Nam thảo luận.

Nhưng từ góc độ cá nhân, tôi thường gọi những quyết sách quốc gia gần đây của Việt Nam giống như một “bản giao hưởng”. Trong bản giao hưởng đó, “chương” thứ nhất là sự kết hợp của những nghị

“Biết đâu trong tương lai, tôi sẽ dạy một vài khóa ở Đại học Fulbright Việt Nam, nhưng tôi không muốn nắm quyền hay điều hành bất cứ thứ gì nữa. Tôi thấy mình đã đủ may mắn với chặng đường cho đến hôm nay” - Thomas Vallely

quyết quan trọng nhất 57, 71, 66 và 68. Đây đều là những trụ cột chính, được xây dựng rất kỹ, xử lý các vấn đề chính sách cốt lõi.

“Chương” hai theo tôi là nỗ lực giải quyết một thách thức rất lớn: năng lượng. Năng lượng đã không được “giải điều tiết” như những lĩnh vực kể trên. Trong tương lai, quyền lực quốc gia sẽ phụ thuộc vào hai thứ: trung tâm dữ liệu và hạ tầng AI quy mô lớn cùng điện năng giá rẻ, ổn định.

“Chương” ba là tiếp tục chiến lược hội nhập kinh tế, đưa Việt Nam tham gia sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Tôi nghĩ đây là một chiến lược rất đúng, vừa tận dụng được vị thế của Việt Nam như một tác nhân quốc tế, vừa đóng vai trò như một cơ chế “không liên kết kiểu mới”, giúp Việt Nam giữ được dư địa chiến lược giữa các cường quốc.

“Chương” tư liên quan đến văn hóa. Đây là một nỗ lực tái sinh, làm mới đời sống văn hóa Việt Nam.

Nếu bản giao hưởng chính sách này được vận hành đúng, nó sẽ rất quan trọng đối với tương lai Việt Nam. Nhưng có lẽ sẽ cần thêm một cơ chế “tư dưới lên”, tựa như giai đoạn cải cách sau 1986. Cần nhiều hơn sự tham gia của công chúng để những định hướng đó trở thành hiện thực sống động, chứ không chỉ nằm trên văn bản.

** Hành trình “Đi tìm dấu rồng” của ông diễn ra như thế nào?*

Cuối thập niên 80, tôi cùng cố Thủ tướng Phan Văn Khải khi đó là Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư và nhóm cán bộ sang Indonesia và Hàn Quốc; rồi với một nhóm khác sang Thái Lan và Đài Loan. Khi ấy, chúng tôi muốn tìm câu trả lời cho câu hỏi: Làm thế nào để Việt Nam trở thành một “con hổ châu Á”?

Chúng tôi gọi đó là hành trình “Đi tìm dấu rồng”, tức là tìm xem Việt Nam làm sao để đi vào “vết đường” phát triển của các nền kinh tế Đông Á như Hàn Quốc, Đài Loan... Tôi luôn nghĩ rằng Việt Nam



Ông Vallely (bìa phải) trong lần thăm Việt Nam vào năm 1989 - Ảnh: HIỂN LÊ chụp lại

“TÔI HỌC ĐƯỢC NHIỀU ĐIỀU TỪ VIỆT NAM”

** Ông đã gắn bó với Việt Nam hơn 55 năm. Nhìn lại, ông nghĩ bản thân mình đã học được gì từ Việt Nam?*

Tôi cảm thấy sự nghiệp của mình rất may mắn. Tôi học được nhiều điều từ Việt Nam và qua đó hiểu hơn về thế giới. Nếu tôi theo con đường chính trị ban đầu, có lẽ tôi chỉ trở thành một nghị sĩ Mỹ, chỉ hiểu về nước Mỹ nhưng chưa hiểu cách thế giới vận hành. (Ông Thomas Vallely là Hạ nghị sĩ bang Massachusetts giai đoạn 1980-1987 - PV)

Nhờ Việt Nam, tôi hiểu được vị trí của một quốc gia đang phát triển trong môi trường toàn cầu và học được cách nhìn thế giới từ một góc độ khác. Đó là sự tinh tế, phức hợp và “con người” hơn. Tôi tin rằng chừng nào hệ thống chính trị và thể chế Việt Nam vẫn giữ được sự hòa điệu giữa các thành phần gồm nhà nước, xã hội, học giới và doanh nghiệp, thì Việt Nam hoàn toàn có thể duy trì được độc lập và tự chủ thực sự của mình trong một thế giới đầy biến động.

Tôi chưa bao giờ cảm thấy cô đơn ở Việt Nam. Điều tôi cảm thấy, đôi lúc, là sự thất vọng, bởi Việt Nam phải xử lý những bài toán vô cùng phức tạp và đã bỏ lỡ nhiều cơ hội trong quá khứ. Với tôi, tôi không bao giờ, không bao giờ muốn nhìn thấy Việt Nam thất bại.

nên có chiến lược giống một quốc gia Đông Á hơn là một quốc gia Đông Nam Á. Đông Nam Á nói chung kém thành công hơn Đông Á về phát triển công nghiệp và công nghệ. Nếu Việt Nam muốn thực hiện được tầm nhìn trong Nghị quyết 57, Việt Nam phải “vươn mình” khỏi vị thế một nước Đông Nam Á điển hình, để tiệm cận mô hình Đông Á, nơi hội tụ các nền kinh tế công nghệ cao.

Những chuyến đi đó, có lẽ đã góp phần ít nhiều giúp ông Phan Văn Khải và một số nhà lãnh đạo khác thiết kế cách triển khai các quyết sách của Đại hội VI, VII theo hướng gần hơn với mô hình Đông Á, dù dĩ nhiên họ chưa làm được tất cả. Phần còn lại hiện giờ, theo tôi là nhiệm vụ của “bản giao hưởng” nghị quyết mới mà Việt Nam đang theo đuổi, để đưa đất nước tiến thêm một bước nữa.

CẢI CÁCH GIÁO DỤC VÀ GIỮ CHÂN NHÂN TÀI

** Là người đóng góp không mệt mỏi cho giáo dục Việt Nam thông qua sáng lập chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright và ĐH Fulbright Việt Nam, ông có hiến kế gì cho giáo dục Việt Nam?*

Giáo dục Việt Nam có những lợi thế nổi bật. Chẳng hạn, Việt Nam có một cộng đồng các nhà khoa học trí tuệ nhân tạo (AI) người Việt đẳng cấp thế giới, phần lớn đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Nền giáo dục STEM ở bậc phổ thông (K-12) được



Ông Thomas Vallely (bìa phải), từng là cựu binh Mỹ, trong chuyến đi gặp gỡ các cựu chiến binh Việt Nam năm 1985 - Ảnh: NVCC

Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch gặp gỡ đoàn giáo sư Harvard năm 1989, trong đó có ông Thomas Vallely - Ảnh: HIỂN LÊ chụp lại

đánh giá cao. Và hơn hết là năng lượng xã hội mạnh mẽ, tinh thần học hỏi và thích ứng nhanh chính là động lực cốt lõi của sự chuyển mình kinh tế phi thường mà tôi đã quan sát suốt bốn thập kỷ nghiên cứu về Việt Nam.

Tuy nhiên, một trong những điểm yếu lớn nhất của Việt Nam nằm ở hệ thống đại học hoạt động kém hiệu quả gắn với một văn hóa quản trị và hoạch định còn hướng nội, nơi quan hệ cá nhân đôi khi được ưu tiên hơn năng lực đổi mới và tầm nhìn của thế hệ trẻ. Trong khi đó, họ là những người đã và đang khẳng định vị thế trên trường quốc tế.

Tôi cho rằng Việt Nam cần xây dựng một hệ thống giáo dục đại học được phân tầng hợp lý, trong đó các trường có vai trò rõ ràng và mang tính bổ trợ lẫn nhau, đặc biệt là một số cơ sở đầu ngành tập trung vào giảng dạy và nghiên cứu sáng tạo. Bên cạnh đó, Việt Nam cần khuyến khích những mô hình giáo dục mới để trở thành hình mẫu cho sự đổi mới thể chế trong giáo dục đại học.

Kinh nghiệm của Trung Quốc và phần nào của Ấn Độ cho thấy nhân tài tâm thế giới có thể đóng vai trò đột phá trong việc kiến tạo một nền công nghệ nội địa vững mạnh. Việt Nam có thể học hỏi từ những bài học đó, bằng cách chủ động kết nối và hợp tác với cộng đồng chuyên gia công nghệ người Việt toàn cầu, lắng nghe họ cần gì và tìm cách tạo điều kiện để họ cùng làm việc, cùng cống hiến cho quê hương.

** Ông vừa nói các nhà khoa học AI người Việt đẳng cấp thế giới phần lớn đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Việt Nam cần cơ chế gì để giữ chân nhân tài ở lại cống hiến cho quê hương?*

Nếu bạn trở thành một kỹ sư giỏi, rất có khả năng bạn sẽ rời Việt Nam vì trong nước chưa có đủ cơ chế và nhu cầu chất lượng cao để sử dụng đúng tầm các kỹ sư ấy. Nhưng nếu quá nhiều người giỏi tiếp tục rời đi sang Thung lũng Silicon, Singapore hay các trung tâm khác, đó là một bài toán phải giải.

Để giữ chân và nuôi dưỡng các tài năng này ở tâm vĩ mô, một trong những việc Việt Nam có thể thực hiện là giữ cho xã hội “mở” hơn nữa, chấp nhận rộng rãi hơn “hành lang hẹp” tức là không

gian cân bằng giữa quyền lực nhà nước và tự do xã hội. Làm được như vậy, Việt Nam mới có cơ hội trở thành một nền kinh tế công nghệ tiên tiến, tận dụng được nguồn nhân lực chất lượng cao mà mình đang có.

** Theo giới chuyên gia, quan hệ Việt - Mỹ đang bước vào “giai đoạn thứ ba” là hợp tác về công nghệ - năng lượng - AI, sau giai đoạn bình thường hóa quan hệ và hòa giải. Ông kỳ vọng gì về mối quan hệ hợp tác này?*

Tôi có thể nói rằng Việt Nam đã xử lý rất tốt giai đoạn chuyển tiếp từ chính quyền Tổng thống Joe Biden sang chính quyền Tổng thống Donald Trump hiện nay. Lãnh đạo Việt Nam xứng đáng được ghi nhận về cách họ ứng phó khéo léo với chính sách thuế thương mại của chính quyền ông Trump.

Tôi tin rằng nếu hai quốc gia bước vào “giai đoạn thứ ba” với tinh thần hợp tác trên nền tảng tri thức, công nghệ và cải cách thể chế, đó sẽ là giai đoạn mang tính định hình nhất, không chỉ cho tương lai của Việt Nam, mà còn cho vai trò của giáo dục trong quan hệ giữa hai nước.

Như tôi đã đề cập trước đó, Việt Nam hiện đang ở trong một vị thế rất dễ tổn thương do khoảng cách công nghệ còn lớn với nhiều nước. Để thu hẹp khoảng cách ấy, theo tôi, cần có ba yếu tố then chốt. Một là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua giáo dục và dòng chảy tri thức vào trong nước, tức là mở cửa để tiếp nhận nhân tài, công nghệ và ý tưởng mới. Hai là tăng cường năng lực của khu vực tư nhân, vốn là động lực chính thúc đẩy đổi mới sáng tạo và cạnh tranh kinh tế. Ba là phát triển hạ tầng chiến lược trọng yếu ở tầm quốc gia, bao gồm năng lượng và hệ thống điện, cùng với nền tảng điện toán đám mây quy mô cực lớn (hyperscale cloud), yếu tố thiết yếu để vận hành một nền kinh tế số và công nghiệp AI hiện đại.

Thực tế, Trung Quốc đã vượt xa Việt Nam trong những lĩnh vực này từ lâu. Điều đó đặt ra cho Việt Nam một thách thức sinh tử nhưng đồng thời cũng mở ra một cơ hội định vị lại vai trò của mình trong kỷ nguyên công nghệ mới.